TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản số:176 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22-6-2023
Về việc: "Xin ly hôn." .

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Nhật Tân và bà Phạm Thị Tuyết Mai

***-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Ông Trần Trọng Khánh– Cán bộ Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

-Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 422/2022/TLST-HNGĐ, ngày 27-12-2022, về việc: "Xin ly hôn, nuôi con chung ". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 25 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 882/2023/QĐST-DS, ngày 25 tháng 5 năm 2023, của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Đặng Thị Lệ D, sinh năm 1988, có mặt.
Địa chỉ: Thôn A, xã Ph, huyệnT, tỉnh Bình Định.
Bị đơn Trần Hữu P1, sinh năm 1978, vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn A, xã Ph, huyệnT, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 5 năm 2022, tại các bản khai và tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn chị Đặng Thị Lệ D trình bày: Giữa chị với anh Trần Hữu P1 tự tìm hiểu trong thời gian 02 năm, đăng ký kết hôn tại UBND xã Phvào ngày 02-8-2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh P1 có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, nhiều lần anh đánh chị rồi lại xin lỗi nên chị đã tha thứ nhiều lần để vợ chồng cùng chung sống nuôi con. Nhưng anh P1 vẫn tiếp tục đi quan hệ với nhiều người khác. Chính ví vậy chị thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị xin ly hôn anh P1.

Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung tên là Trần Đặng Gia Ph2, sinh ngày 13-11-2013, Trần Đặng Gia Ph3, sinh ngày 15-11-2016, Trần Đặng Gia L , sinh ngày 25-02-2023, hiện các con đang ở cùng chị. Nay ly hôn chị D xin nuôi 03 con, chị yêu cầu anh P1 cấp dưỡng nuôi con mỗi đứa 2.000.000đ.

Về quan hệ tài sản chung: Chị D khai không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra chị D không khai và không yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn Trần Hữu P1 vắng mặt tại phiên tòa. Mặc dù Tòa án đã tiến hành thực hiện việc tống đạt và niêm yết nhiều lần theo quy định pháp luật nhưng bị đơn anh P1 vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị D.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị D ly hôn với anh P1.Về quan hệ nuôi con chung: đề nghị giao con chung của chị D và anh P1 tên là Trần Đặng Gia Ph2, sinh ngày 13-11-2013, Trần Đặng Gia Ph3, sinh ngày 15-11-2016, Trần Đặng Gia L, sinh ngày 25-02-2023, cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, chị D yêu cầu cấp dưỡng 2.000.000đ/ đứa/ tháng là cao nên đề nghị Tòa xét. Về quan hệ tài sản chung: Chị D khai không có tài sản chung, không có nợ chung nên đề nghị Tòa không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đặng Thị Lệ D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh Trần Hữu P1 cư trú tại Thôn A, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn anh Trần Hữu P1 vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2].1 Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị Lệ D thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa chị Đặng Thị Lệ D và anh Trần Hữu P1 tự tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 12-8-2008 tại Ủy ban nhân dân xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định nên hôn

nhân giữa chị D và anh P1 là hợp pháp. Theo chị D khai trong thời gian sống chung vợ chồng chị thường xuyên mâu thuẫn do anh P1 có quan hệ bất chính với nhiều phụ nữ khác nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên chị D xin ly hôn anh P1. Trong khi Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục về việc xin ly hôn của chị D tại địa phương nơi anh P1 cư trú nhưng anh P1 vẫn không đến Tòa, cũng không có bản trình bày ý kiến. Điều này chứng tỏ anh P1 không mong muốn vun đắp cuộc hôn nhân này. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của chị D và biên bản xác minh cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh P1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho chị D được ly hôn anh P1.

[2].2 Về quan hệ nuôi con chung: Chị D và anh P1 có 03 con chung tên là Trần Đặng Gia Ph2, sinh ngày 13-11-2013, Trần Đặng Gia Ph3, sinh ngày 15-11-2016, Trần Đặng Gia Linh, sinh ngày 25-02-2023. Nay ly hôn chị D xin nuôi 03 con, cháu Ph2 mong muốn ở cùng chị D, mà hiện nay các con đang ở cùng chị D nên giao các con cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D yêu cầu anh P1 cấp dưỡng nuôi con mỗi đứa một tháng 2.000.000đ là quá cao, chị D không chứng minh được thu nhập của anh P1, do đó Hội đồng xét xử căn cứ theo mức lương của khu vực để buộc anh P1 cấp dưỡng nuôi các con mỗi đứa một tháng 1.000.000đ.

[2].3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị D khai không có tài sản chung, không có nợ chung nên Tòa không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn , anh P1 phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng để sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp được khấu trừ vào án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 BLTTDS; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Thị Lệ D ly hôn anh Trần Hữu P1

[2] Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung của chị D và anh P1 tên là Trần Đặng Gia Ph2 , sinh ngày 13-11-2013, Trần Đặng Gia Ph3, sinh ngày 15-11-2016, Trần Đặng Gia L, sinh ngày 25-02-2023 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, các con hiện đang ở với chị D. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh P1 cấp dưỡng nuôi 03con mỗi đứa một tháng 1.000.000đ, tổng cộng 3.000.000đ/tháng, thời gian tính từ ngày xét xử

sơ thẩm đến khi các con đủ 18 tuổi. Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như tiền cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Tòa không xét.

[4] Về án phí DSST: Buộc chị D phải chịu 300.000đ về án phí ly hôn, anh P1 phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0001359, ngày 27-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được khấu trừ vào tiền án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 22-6-2023). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành. Nếu bên phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ đã tuyên thì bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
-Các bên đương sự
-VKSND huyện T
-Chi cục THADS huyện T
-Phòng GĐKT TAND tỉnh Bình Định .
-UBND xã Ph
Số 104, ngày 12-8-2008)
-Lưu hồ sơ .

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bích Thủy

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán–Chủ Tọa Phiên Tòa**

Đỗ Nhật Tân Phạm Thị Tuyết Mai **Trần Thị Bích Thủy**